Phụ lục số 02

**THUYẾT MINH CÁC NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO THÔNG TƯ THAY THẾ QUYẾT ĐỊNH SỐ 37/2007/QĐ-NHNN VỀ QUY ĐỊNH VỀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN GIAO NHẬN, ĐIỀU CHUYỂN, PHÁT HÀNH, THU HỒI VÀ TIÊU HỦY TIỀN MẶT TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Quyết định số 37/2007/QĐ-NHNN** | **Thông tư thay thế Quyết định số 37/2007/QĐ-NHNN** | **Lý do sửa đổi, bổ sung** |
| Số hiệu tài khoản theo Quyết định số 425/1998/QĐ-NHNN ngày 17/12/1998 của Thống đốc NHNN về việc ban hành Hệ thống tài khoản kế toán NHNN và các Quyết định có liên quan; | Số hiệu tài khoản theo theo Hệ thống tài khoản kế toán Ngân hàng Nhà nước quy định tại Thông tư số 19/2015/TT-NHNN ngày 22/10/2015 | Do thay đổi quy định về hệ thống tài khoản Ngân hàng Nhà nước |
| Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 1997; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2003;  Căn cứ Nghị định số 52/2003/NĐ-CP ngày 19/05/2003 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;  Căn cứ Nghị định số 81/1998/NĐ-CP ngày 01/10/1998 của Chính phủ về in, đúc, bảo quản, vận chuyển và tiêu huỷ tiền giấy, tiền kim loại; bảo quản, vận chuyển tài sản quý, giấy tờ có giá trong hệ thống Ngân hàng;  Căn cứ Nghị định số 87/1998/NĐ-CP ngày 31/10/1998 của Chính phủ về phát hành, thu hồi và thay thế tiền giấy, tiền kim loại;  Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế toán - Tài chính, | Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16/6/2010;  Căn cứ Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015;  Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;  Căn cứ Nghị định số 40/2012/NĐ-CP ngày 02/5/2012 của Chính phủ về nghiệp vụ phát hành tiền; bảo quản, vận chuyển tài sản quý và giấy tờ có giá trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  Căn cứ Quyết định số 40/2012/QĐ-TTg ngày 05/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý tiền mẫu, tiền lưu niệm;  Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính - Kế toán; | Các văn bản quy phạm trong phần căn cứ đã thay đổi |
| Đối với các tài khoản tiền, mở chi tiết theo kho, loại tiền, mệnh giá; loại tiền mẫu, tiền lưu niệm mở tài khoản chi tiết | Đối với các tài khoản tiền, kế toán theo mở sổ chi tiết theo kho, loại tiền, mệnh giá; loại tiền mẫu, tiền lưu niệm mở sổ theo dõi chi tiết | Hiện nay, khi thực hiện kế toán theo hệ thống FSMIMS kế toán không mở chi tiết mà mở sổ theo dõi. |
| Không có quy định tại Quyết định số 37/2007/QĐ-NHNN | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  Thông tư này áp dụng đối với Cục Phát hành và Kho quỹ, Chi Cục Phát hành và Kho quỹ, Vụ Tài chính - Kế toán, Sở Giao dịch, NHNN Chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các đơn vị, tổ chức có liên quan đến việc giao nhận, điều chuyển, phát hành, thu hồi và tiêu huỷ tiền mặt tại các đơn vị thuộc NHNN. | Bổ sung cho rõ đối tượng điều chỉnh tại Thông tư |
| **Điều 3. Tài khoản áp dụng và một số quy định khi hạch toán**  2. Quy ước giá trị khi hạch toán nhập, xuất các loại tiền:  d) Đối với tiền nghi giả, tiền giả: được hạch toán theo giá quy ước mỗi tờ tiền/ hoặc miếng tiền kim loại là 1 đồng (một đồng).  đ) Đối với tiền biến dạng, hư hỏng nghi do hành vi huỷ hoại (sau đây gọi tắt là *tiền nghi bị phá hoại*), tiền biến dạng, hư hỏng do hành vi huỷ hoại (sau đây gọi tắt là *tiền bị phá hoại*):  i) Tiền nghi bị phá hoại: Khi NHNN tạm thu giữ hiện vật, chưa có kết luận của cơ quan Công an, kế toán hạch toán theo giá quy ước mỗi tờ/ miếng là 1 đồng (một đồng).  ii) Tiền bị phá hoại (khi có kết luận giám định của cơ quan Công an), xử lý:  Nếu tiền bị phá hoại xác định được mệnh giá: NHNN thu và hạch toán trên các tài khoản nội bảng theo giá trị nhập, xuất tiền (mệnh giá x số lượng).  Nếu tiền bị phá hoại không xác định được mệnh giá: NHNN thu và hạch toán trên các tài khoản ngoại bảng theo giá quy ước mỗi tờ / miếng là 1 đồng (một đồng). | **Điều 4. Nguyên tắc trong công tác kế toán các loại tiền và báo Nợ, báo Có thừa, thiếu tiền phát hiện trong kiểm đếm**  1. Quy ước giá trị khi hạch toán nhập, xuất các loại tiền:  a) Đối với các loại tiền thuộc Quỹ dự trữ phát hành (Quỹ DTPH) và Quỹ nghiệp vụ phát hành (Quỹ NVPH):  Giá trị hạch toán khi nhập, xuất Quỹ DTPH, Quỹ NVPH là giá trị nhập, xuất tiền (Mệnh giá x Số lượng).  b) Đối với tiền mẫu:  - Các loại tiền mới chưa công bố lưu hành: được hạch toán theo giá quy ước mỗi tờ hoặc mỗi miếng tiền kim loại là 1 đồng (một đồng).  - Khi tiền mới đã công bố lưu hành thì phải hạch toán theo mệnh giá.  c) Đối với tiền lưu niệm: giá trị hạch toán là giá quy ước mỗi tờ tiền/hoặc miếng tiền kim loại là 1 đồng (một đồng).  d) Đối với tiền nghi giả, tiền giả:  - Tiền nghi giả: được hạch toán theo mệnh giá mỗi tờ tiền hoặc miếng tiền kim loại.  - Tiền giả: được hạch toán theo giá quy ước mỗi tờ tiền hoặc miếng tiền kim loại là 01 đồng (một đồng).  đ) Đối với tiền biến dạng, hư hỏng nghi do hành vi huỷ hoại (sau đây gọi tắt là tiền nghi bị phá hoại), tiền biến dạng, hư hỏng do hành vi huỷ hoại (sau đây gọi tắt là tiền bị phá hoại):  - Tiền nghi bị phá hoại chờ xử lý: Khi NHNN tạm thu giữ hiện vật, chưa có kết luận của cơ quan Công an, kế toán hạch toán theo mệnh giá của mỗi tờ tiền hoặc miếng tiền kim loại.  - Tiền bị phá hoại (khi có kết luận giám định của cơ quan Công an), xử lý:  + Nếu tiền bị phá hoại xác định được mệnh giá: NHNN thu và hạch toán trên các tài khoản nội bảng theo giá trị nhập, xuất tiền (mệnh giá x số lượng).  + Nếu tiền bị phá hoại không xác định được mệnh giá: NHNN thu và hạch toán trên các tài khoản ngoại bảng theo giá quy ước mỗi tờ/miếng là 1 đồng (một đồng).  e) Đối với tiền bị lỗi kỹ thuật do quá trình in đúc: hạch toán theo mệnh giá mỗi tờ tiền hoặc miếng tiền kim loại. | Thống nhất với nội dung hướng dẫn hạch toán tài khoản tại Thông tư số 19/2015/TT-NHNN ngày 22/10/2015 quy định về Hệ Thống tài khoản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam |
| **Điều 3. Tài khoản áp dụng và một số quy định khi hạch toán**  3. Nguyên tắc báo Nợ, báo Có tiền thiếu, thừa phát hiện trong kiểm đếm:  a) Tại đơn vị nhận tiền (đơn vị kiểm đếm): Căn cứ biên bản của Hội đồng kiểm đếm tiền, kế toán thực hiện báo Nợ/ báo Có số chênh lệch thiếu tiền/ chênh lệch thừa tiền. Đồng thời, đơn vị nhận tiền phải gửi các giấy tờ cần thiết theo quy định cho đơn vị giao tiền để tiếp tục xử lý thừa tiền, thiếu tiền.  b) Tại đơn vị giao tiền:  Việc xử lý tiền thiếu, tiền thừa đối với từng cá nhân, đơn vị liên quan được thực hiện theo Biên bản kiểm đếm, niêm phong, Bảng kê tổng hợp chênh lệch thừa, thiếu tiền do đơn vị kiểm đếm gửi đến, báo Nợ/ báo Có (nếu có) và đảm bảo khớp đúng số liệu giữa các chứng từ trên. | **Điều 4. Nguyên tắc trong công tác kế toán các loại tiền và báo Nợ, báo Có thừa, thiếu tiền phát hiện trong kiểm đếm**  2. Nguyên tắc báo Nợ, báo Có tiền thiếu, thừa phát hiện trong kiểm đếm:  a) Tại SGD, NHNN chi nhánh nhận tiền (đơn vị kiểm đếm): Căn cứ biên bản của Hội đồng kiểm đếm, kế toán thực hiện báo Nợ/ báo Có số chênh lệch thiếu tiền/ chênh lệch thừa tiền. Đồng thời, SGD, NHNN chi nhánh nhận tiền phải gửi Biên bản của Hội đồng kiểm đếm, niêm phong và các giấy tờ cần thiết khác theo quy định cho TCTD, KBNN trên địa bàn, SGD, NHNN chi nhánh giao tiền, SGD, NHNN chi nhánh nơi mở tài khoản thanh toán cho các TCTD, KBNN để tiếp tục xử lý thừa tiền, thiếu tiền.  b) Tại SGD, NHNN chi nhánh bên giao tiền, SGD, NHNN chi nhánh nơi mở tài khoản thanh toán cho các TCTD, KBNN:  Việc xử lý tiền thiếu, tiền thừa đối với từng cá nhân, đơn vị liên quan được thực hiện theo Biên bản của Hội đồng kiểm đếm, niêm phong do SGD, NHNN chi nhánh nhận tiền gửi đến, báo Nợ/ báo Có (nếu có) và đảm bảo khớp đúng số liệu giữa các chứng từ trên. | Sửa đổi cho phù hợp với quy định về giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá tại mục 23 Công văn số 929/NHNN-PHKQ ngày 19/02/2014 |
| **Điều 4. Quy định về lập, luân chuyển và xử lý chứng từ**  2. Luân chuyển chứng từ:  c) Luân chuyển chứng từ khi nhập tiền, xuất tiền tiêu hủy:  i) Khi nhập Kho tiền tiêu huỷ:  + Căn cứ Lệnh điều chuyển do Cục Phát hành và Kho quỹ lập, phê duyệt và Biên bản giao nhận tiền giữa Kho tiền Trung ương với Hội đồng tiêu huỷ, Thủ kho tiền tiêu huỷ làm thủ tục nhập tiền, vào sổ theo dõi và chuyển chứng từ sang bộ phận kế toán Hội đồng tiêu huỷ.  + Kế toán Hội đồng tiêu huỷ lập Phiếu nhập kho, vào sổ theo dõi và chuyển chứng từ về Vụ Kế toán- Tài chính để hạch toán theo quy định.  ii) Khi xuất Kho tiền tiêu huỷ: Căn cứ tỷ lệ kiểm đếm từng loại tiền đã được Thống đốc phê duyệt, Kế toán Hội đồng tiêu hủy lập Phiếu xuất kho vào sổ theo dõi, Thủ kho tiền tiêu hủy lập Biên bản giao nhận tiền, xuất tiền giao sang tổ kiểm đếm/ tổ cắt hủy để thực hiện kiểm đếm/ cắt hủy theo quy định tại Quy chế tiêu hủy tiền hiện hành. | **Điều 7. Quy định về luân chuyển chứng từ**  3. Luân chuyển chứng từ khi nhập tiền, xuất tiền tiêu hủy:  - Khi nhập Kho tiền tiêu huỷ:  Căn cứ chứng từ (Lệnh điều chuyển do Cục Phát hành và Kho quỹ lập, phê duyệt, Biên bản Giao nhận, Giấy ủy quyền) do người được ủy quyền của Kho tiền Trung ương chuyển đến, Thủ kho tiền tiêu hủy làm thủ tục nhập tiền lập Biên bản giao nhận tiền, vào sổ theo dõi và chuyển chứng từ sang bộ phận kế toán của Hội đồng tiêu huỷ.  + Kế toán Hội đồng tiêu huỷ lập Phiếu nhập kho, vào sổ theo dõi và chuyển chứng từ về Vụ Tài chính - Kế toán để hạch toán theo quy định.  - Khi xuất Kho tiền tiêu huỷ:  Căn cứ tỷ lệ kiểm đếm từng loại tiền do Chủ tịch Hội đồng tiêu hủy quyết định, kế toán Hội đồng tiêu hủy lập Phiếu xuất kho vào sổ theo dõi, thủ kho tiền tiêu hủy lập Biên bản giao nhận tiền, xuất tiền giao sang tổ kiểm đếm/tổ cắt hủy để thực hiện kiểm đếm/cắt hủy theo quy định tại Quy chế tiêu hủy tiền hiện hành. | Sửa đổi cho phù hợp với quy định về công tác tiêu hủy tiền tại Thông tư số 03/2020/TT-NHNN ngày 31/3/2020 về  quy định về tiêu hủy tiền của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Công văn số 3520a/NHNN-PHKQ ngày 14/5/2020 |
| **Điều 9. Hạch toán xuất Quỹ DTPH để nhập Quỹ NVPH**  1. Tại NHNN:  a) Tại Vụ Kế toán- Tài chính:  Căn cứ Lệnh điều chuyển, Phiếu xuất kho và Biên bản giao nhận tiền, Vụ Kế toán- Tài chính báo Nợ về Sở giao dịch số tiền điều chuyển, hạch toán:  Nợ TK 5111- Chuyển tiền đi năm nay  Hoặc Nợ TK 5211- Liên hàng đi năm nay  Có TK 1011- Tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông  b) Tại Sở giao dịch:  Căn cứ Lệnh điều chuyển và Biên bản giao nhận tiền do bộ phận kho quỹ chuyển sang, Kế toán lập Phiếu thu, đối chiếu với báo Nợ do Vụ Kế toán- Tài chính chuyển đến, hạch toán:  Nợ TK 1021- Tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông  Có TK 5112- Chuyển tiền đến năm nay(chi  Hoặc Có TK 5212- Liên hàng đến năm nay  2. Tại chi nhánh:  Căn cứ Lệnh xuất - nhập Quỹ DTPH đã được phê duyệt, Kế toán lập Phiếu xuất kho Quỹ DTPH, đồng thời lập Phiếu thu để thu tiền vào Quỹ NVPH, ghi nhật ký quỹ, chuyển chứng từ sang bộ phận kho quỹ để làm thủ tục xuất- nhập tiền theo quy định hiện hành và hạch toán:  Nợ TK 1021- Tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông  Có TK 1011- Tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông | **Điều 13. Hạch toán xuất Quỹ DTPH để nhập Quỹ NVPH**  1. Kho tiền Trung ương là đơn vị điều chuyển, ủy nhiệm cán bộ đến giao tiền mặt tại kho của Sở Giao dịch:  a) Tại Vụ Tài chính - Kế toán:  Khi xuất tiền mặt thuộc quỹ dự trữ phát hành, căn cứ Lệnh điều chuyển, Phiếu xuất kho và Biên bản giao nhận tiền, Vụ Tài chính - Kế toán hạch toán:  Nợ TK 10100105 - Quỹ dự trữ phát hành đang vận chuyển  Có TK 10100101 - Tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông  Hoặc/và Có TK 10100102 - Tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông  Hoặc/và Có TK 10100103 - Tiền đình chỉ lưu hành  Hoặc/và Có TK 10100104 - Tiền bị phá hoại thuộc Quỹ dự trữ phát hành  - Khi nhận được báo Có của Sở Giao dịch chuyển đến, đối chiếu với Lệnh điều chuyển, Vụ Tài chính - Kế toán hạch toán:  Nợ TK 602004 - Thanh toán liên chi nhánh  Có TK 10100105 - Quỹ dự trữ phát hành đang vận chuyển  b) Tại Sở Giao dịch:  Căn cứ Lệnh điều chuyển và Biên bản giao nhận, kế toán Sở Giao dịch lập Phiếu thu, báo Có về Vụ Tài chính - Kế toán và hạch toán:  Nợ TK 10100201 - Tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông  Hoặc/và Nợ TK 10100202 - Tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông  Hoặc/và Nợ TK 10100203 - Tiền đình chỉ lưu hành  Hoặc/và Nợ TK 10100204 - Tiền bị phá hoại thuộc Quỹ nghiệp vụ phát hành  Có TK 69900103 - Trung gian giữa ERP và T24 - Tiền mặt (QNV)  Đồng thời, lập bút toán liên chi nhánh về Vụ Tài chính - Kế toán:  Nợ TK 69900103 - Trung gian giữa ERP và T24 - Tiền mặt (QNV)  Có TK 602004 - Thanh toán liên chi nhánh  2. Kho tiền Trung ương là đơn vị điều chuyển, Sở Giao dịch ủy nhiệm cán bộ đến nhận tiền mặt tại Kho tiền Trung ương:  a) Tại Vụ Tài chính - Kế toán:  Khi xuất tiền mặt thuộc quỹ dự trữ phát hành, căn cứ Lệnh điều chuyển, Phiếu xuất kho và Biên bản giao nhận tiền, Vụ Tài chính - Kế toán hạch toán:  Nợ TK 602004 - Thanh toán liên chi nhánh  Có TK 10100101 - Tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông  Hoặc/và Có TK 10100102 - Tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông  Hoặc/và Có TK 10100103 - Tiền đình chỉ lưu hành  Hoặc/và Có TK 10100104 - Tiền bị phá hoại thuộc Quỹ dự trữ phát hành  b) Tại Sở Giao dịch:  Căn cứ Lệnh điều chuyển và Biên bản giao nhận tiền do bộ phận kho quỹ chuyển sang, kế toán lập Phiếu thu, đối chiếu với báo Nợ do Vụ Tài chính - Kế toán chuyển đến, hạch toán:  Nợ TK 10100201- Tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông  Hoặc/và Nợ TK 10100202 - Tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông  Hoặc/và Nợ TK 10100203 - Tiền đình chỉ lưu hành  Hoặc/và Nợ TK 10100204 - Tiền bị phá hoại thuộc Quỹ dự trữ phát hành  Có TK 602004- Thanh toán liên chi nhánh  3. Xuất Quỹ DTPH để nhập Quỹ NVPH tại các NHNN Chi nhánh:  Căn cứ Lệnh xuất - nhập Quỹ DTPH đã được phê duyệt, kế toán lập Phiếu xuất kho Quỹ DTPH, đồng thời lập Phiếu thu để thu tiền vào Quỹ NVPH, vào nhật ký quỹ. Bút toán:  Nợ TK 69900109 - Trung gian điều chuyển tiền  Có TK 10100101- Tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông  Đồng thời, lập bút toán đối ứng số tiền mặt đã nhập quỹ NVPH:  Nợ TK 10100201- Tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông  Có TK 69900109 - Trung gian điều chuyển tiền  Sau đó, chuyển chứng từ sang bộ phận kho quỹ để làm thủ tục xuất - nhập tiền theo quy định hiện hành. | Do thời gian qua, thực tế có thay đổi phương thức giao nhận tiền mặt giữa Sở Giao dịch và Cục Phát hành và Kho quỹ (Công văn số 1314/NHNN-TCKT ngày 03/3/2021 hướng dẫn hạch toán giao nhận tiền mặt giữa quỹ nghiệp vụ phát hành và quỹ dự trữ phát hành theo văn bản số 8614/NHNN-PHKQ ngày 30/11/2020) |
| **Điều 10. Hạch toán xuất Quỹ NVPH để nhập Quỹ DTPH**  1. Tại NHNN:  a) Tại Sở giao dịch:  Căn cứ Lệnh điều chuyển, Kế toán lập Phiếu chi, ghi nhật ký quỹ và chuyển chứng từ sang bộ phận kho quỹ để làm thủ tục chi tiền và hạch toán:  Nợ TK 3639- Các khoản khác phải thu  (chi tiết: Tiền điều chuyển)  Có TK 1021- Tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông  Hoặc/ và Có TK 1022- Tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông  Hoặc/ và Có TK 1023- Tiền đình chỉ lưu hành  Hoặc/ và Có TK 1024- Tiền bị phá hoại thuộc Quỹ NVPH  Căn cứ báo Có do Vụ Kế toán- Tài chính chuyển đến, Kế toán đối chiếu với Biên bản giao nhận tiền và hạch toán:  Nợ TK 5112- Chuyển tiền đến năm nay  Hoặc Nợ TK 5212- Liên hàng đến năm nay  Có TK 3639- Các khoản khác phải thu  (chi tiết: Tiền điều chuyển)  b) Tại Vụ Kế toán- Tài chính:  Căn cứ Lệnh điều chuyển, Biên bản giao nhận tiền, Vụ Kế toán- Tài chính lập Phiếu nhập kho, đồng thời lập báo Có cho Sở giao dịch và hạch toán:  Nợ TK 1011- Tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông  Hoặc/ và Nợ TK 1012- Tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông  Hoặc/ và Nợ TK 1013- Tiền đình chỉ lưu hành  Hoặc/ và Nợ TK 1014- Tiền bị phá hoại thuộc Quỹ DTPH  Có TK 5111- Chuyển tiền đi năm nay  HoặcCó TK 5211- Liên hàng đi năm nay  2. Tại các chi nhánh:  Căn cứ Lệnh xuất - nhập Quỹ DTPH đã được Giám đốc phê duyệt, Kế toán lập Phiếu chi để chi tiền từ Quỹ NVPH, đồng thời lập Phiếu nhập kho Quỹ DTPH, ghi nhật ký quỹ, chuyển chứng từ sang bộ phận kho quỹ để làm thủ tục nhập, xuất tiền và hạch toán:  Nợ TK 1011- Tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông  Có TK 1021- Tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông  Hoặc/ và Nợ TK 1012- Tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông  Có TK 1022- Tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông  Hoặc/ và Nợ TK 1013- Tiền đình chỉ lưu hành  Có TK 1023- Tiền đình chỉ lưu hành  Hoặc/ và Nợ TK 1014- Tiền bị phá hoại thuộc Quỹ DTPH  Có TK 1024-Tiền bị phá hoại thuộc Quỹ NVPH | **Điều 14. Hạch toán xuất Quỹ NVPH để nhập Quỹ DTPH**  1. Sở Giao dịch là đơn vị điều chuyển, ủy nhiệm cán bộ đến giao tiền mặt tại Kho tiền Trung ương:  a) Tại Vụ Tài chính - Kế toán:  Căn cứ Lệnh điều chuyển và Biên bản giao nhận, Vụ Tài chính - Kế toán lập Phiếu nhập kho, báo Có về Sở Giao dịch và hạch toán:  Nợ TK 10100101 - Tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông  Hoặc/và Nợ TK 10100102 - Tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông  Hoặc/và Nợ TK 10100103 - Tiền đình chỉ lưu hành  Hoặc/và Nợ TK 10100104 - Tiền bị phá hoại thuộc Quỹ dự trữ phát hành  Có TK 602004 - Thanh toán liên chi nhánh  b) Tại Sở Giao dịch:  - Khi xuất tiền mặt thuộc quỹ nghiệp vụ phát hành, căn cứ Lệnh điều chuyển, Phiếu xuất kho và Biên bản giao nhận, kế toán hạch toán:  Nợ TK 10100205 - Quỹ nghiệp vụ phát hành đang vận chuyển  Có TK 10100201 - Tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông  Hoặc/và Có TK 10100202 - Tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông  Hoặc/và Có TK 10100203 - Tiền đình chỉ lưu hành  Hoặc/và Có TK 10100204 - Tiền bị phá hoại thuộc Quỹ nghiệp vụ phát hành  - Khi nhận được báo Có của Vụ Tài chính - Kế toán chuyển đến, đối chiếu với Lệnh điều chuyển, kế toán hạch toán:  Nợ TK 602004 - Thanh toán liên chi nhánh  Có TK 69900103 - Trung gian giữa ERP và T24-Tiền mặt (QNV)  Đồng thời, lập bút toán đối ứng tất toán số tiền mặt đã xuất Kho tiền Trung ương:  Nợ TK 69900103 - Trung gian giữa ERP và T24-Tiền mặt (QNV)  Có TK 10100205 - Quỹ nghiệp vụ phát hành đang vận chuyển  2. Sở Giao dịch là đơn vị điều chuyển, Kho tiền Trung ương ủy nhiệm cán bộ đến nhận tiền mặt tại Kho tiền Sở Giao dịch:  a) Tại Vụ Tài chính - Kế toán:  Căn cứ Lệnh điều chuyển, Biên bản giao nhận tiền, Vụ Tài chính - Kế toán lập Phiếu nhập kho, đồng thời lập báo Có cho Sở Giao dịch và hạch toán:  Nợ TK 10100101- Tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông  Hoặc/và Nợ TK 10100102- Tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông  Hoặc/và Nợ TK 10100103- Tiền đình chỉ lưu hành  Hoặc/và Nợ TK 10100104- Tiền bị phá hoại thuộc Quỹ DTPH  Có TK 602004- Thanh toán liên chi nhánh  b) Tại Sở Giao dịch:  - Căn cứ Lệnh điều chuyển, kế toán lập Phiếu chi, hạch toán, vào nhật ký quỹ:  Nợ TK 315999- Các khoản phải thu nội bộ khác  (*chi tiết: Tiền điều chuyển*)  Có TK 10100201- Tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông  Hoặc/và Có TK 10100202- Tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông  Hoặc/và Có TK 10100203- Tiền đình chỉ lưu hành  Hoặc/và Có TK 10100104- Tiền bị phá hoại thuộc Quỹ NVPH  Sau đó, chuyển chứng từ sang bộ phận kho quỹ để làm thủ tục chi tiền  - Căn cứ báo Có do Vụ Tài chính - Kế toán chuyển đến, kế toán đối chiếu với Biên bản giao nhận tiền và hạch toán:  Nợ TK 602004- Thanh toán liên chi nhánh  Có TK 315999- Các khoản phải thu nội bộ khác  (*chi tiết: Tiền điều chuyển*)  3. Xuất Quỹ NVPH để nhập Quỹ DTPH tại các NHNN Chi nhánh:  Căn cứ Lệnh xuất - nhập Quỹ DTPH đã được Giám đốc phê duyệt, kế toán lập Phiếu chi để chi tiền từ Quỹ NVPH chuyển chứng từ sang bộ phận kho quỹ để làm thủ tục xuất tiền, vào nhật ký quỹ. Bút toán:  Nợ TK 10100101- Tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông  Hoặc/và Nợ TK 10100102- Tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông  Hoặc/và Nợ TK 10100103- Tiền đình chỉ lưu hành  Hoặc/và Nợ TK 10100104- Tiền bị phá hoại thuộc Quỹ DTPH  Có TK 69900109 - Trung gian điều chuyển tiền  Căn cứ Lệnh xuất - nhập Quỹ DTPH và biên bản giao nhận do thủ kho chuyển đến, lập bút toán đối ứng số tiền mặt đã nhập quỹ DTPH:  Nợ TK 69900109- Trung gian điều chuyển tiền  Có TK 10100201- Tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông  Hoặc/và Có TK 10100202- Tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông  Hoặc/và Có TK 10100203- Tiền đình chỉ lưu hành  Hoặc/và Có TK 10100204- Tiền bị phá hoại thuộc Quỹ NVPH | Do thời gian qua, thực tế có thay đổi phương thức giao nhận tiền mặt giữa Sở Giao dịch và Cục Phát hành và Kho quỹ (Công văn số 1314/NHNN-TCKT ngày 03/3/2021 hướng dẫn hạch toán giao nhận tiền mặt giữa quỹ nghiệp vụ phát hành và quỹ dự trữ phát hành theo văn bản số 8614/NHNN-PHKQ ngày 30/11/2020) |
| **Điều 14. Hạch toán phát hành và thu hồi tiền mặt**  1. Khi phát hành tiền mặt vào lưu thông (chi từ Quỹ NVPH): Căn cứ chứng từ lĩnh tiền mặt (Séc, Giấy lĩnh tiền mặt, Phiếu chi), Kế toán ghi nhật ký quỹ, chuyển chứng từ cho bộ phận kho quỹ chi tiền và hạch toán:  Nợ TK thích hợp  Có TK 1021- Tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông | **Điều 18. Hạch toán phát hành và thu hồi tiền mặt**  1. Khi phát hành tiền mặt vào lưu thông (chi từ Quỹ NVPH): Căn cứ chứng từ lĩnh tiền mặt (Séc, Giấy lĩnh tiền mặt, Phiếu chi), hạch toán, vào nhật ký quỹ:  Nợ TK thích hợp (Tiền gửi, TK 414999,….)  Có TK 10100201- Tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông  Sau đó, chuyển chứng từ cho bộ phận kho quỹ chi tiền  Đối với trường hợp thu phí rút tiền mặt định kỳ, kế toán lập chứng từ hạch toán:  Nợ TK thích hợp (tiền mặt, tiền gửi, …)  Có TK 708002- Thu dịch vụ ngân quỹ | Bổ sung hướng dẫn thu phí rút tiền mặt (Thông tư số 35/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014 quy định phí rút tiền mặt qua tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Sổ tay hướng dẫn sử dụng phần mềm kế toán SG3.1) |
| **Điều 16. Hạch toán tiền nghi bị phá hoại, tiền bị phá hoại**:  2. Đối với tiền bị phá hoại:  a) Tiền bị phá hoại xác định được mệnh giá: Căn cứ Biên bản thu giữ tiền bị phá hoại do bộ phận kho quỹ chuyển sang, Kế toán lập Phiếu thu và hạch toán:  Nợ TK 1024- Tiền bị phá hoại  Có TK 468- Các khoản chờ thanh toán khác  (chi tiết: thu từ nghiệp vụ phát hành tiền mặt chờ xử lý)  b) Tiền bị phá hoại không xác định được mệnh giá: Căn cứ Biên bản thu giữ tiền bị phá hoại do bộ phận kho quỹ chuyển sang, Kế toán lập Phiếu nhập kho theo giá quy ước và hạch toán :  Nợ TK 9089- Tiền nghi giả, tiền giả, nghi bị phá hoại chờ xử lý (chi tiết: Tiền bị phá hoại không xác định được mệnh giá) | **Điều 20. Hạch toán tiền nghi bị phá hoại, tiền bị phá hoại**  2. Đối với tiền bị phá hoại:  a) Tiền bị phá hoại xác định được mệnh giá: Căn cứ Biên bản thu giữ tiền bị phá hoại do bộ phận kho quỹ chuyển sang, kế toán lập Phiếu thu và hạch toán:  Nợ TK 10100204- Tiền bị phá hoại  Có TK 799999- Thu khác  b) Tiền bị phá hoại không xác định được mệnh giá: Căn cứ Biên bản thu giữ tiền bị phá hoại do bộ phận kho quỹ chuyển sang, kế toán lập Phiếu nhập kho theo giá quy ước và hạch toán:  Nợ TK 00100405- Tiền bị phá hoại không xác định được mệnh giá | Nội dung này đã được ban hành bổ sung công văn hướng dẫn liên quan đến nghiệp vụ kho quỹ do xử lý tiền bị phá hoại xác định được mệnh giá cho Chi Cục Phát hành và Kho quỹ (Công văn số 3216/NHNN-TCKT ngày 5/5/2016 về xử lý tiền bị phá hoại, tiền nghi bị phá hoại) |
| **Điều 15. Hạch toán tiền nghi giả, tiền giả**  3. Xử lý sau khi có kết quả giám định về tiền nghi giả:  a) Nếu kết quả giám định là tiền thật và đủ điều kiện được đổi:  iii) Khi thu lệ phí đổi tiền, Kế toán hạch toán:  Nợ TK thích hợp  Có TK 733- Thu về dịch vụ ngân quỹ  **Điều 16. Hạch toán tiền nghi bị phá hoại, tiền bị phá hoại**:  ii) Nếu kết quả giám định không phải là tiền bị phá hoại, đủ điều kiện được đổi và chi trả bằng chuyển khoản:  + Lập Phiếu thu để thu tiền và hạch toán:  Nợ TK 1022- Tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông  Có TK thích hợp  + Lập Phiếu thu lệ phí đổi tiền (nếu có) và hạch toán:  Nợ TK thích hợp  Có TK 733- Thu về dịch vụ ngân quỹ | **Không có nội dung này** | Bỏ nội dung thu lệ phí đổi tiền do Thông tư số 25/2013/TT-NHNN ngày 02/12/2013 không quy định thu phí đổi tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông. |
| **Điều 17. Hạch toán thu đổi tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông và đổi loại tiền trong Quỹ NVPH**  1. Hạch toán thu đổi tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông:  a) Đối với tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông đủ điều kiện được đổi:  Thủ quỹ thực hiện thu, đổi theo quy định tại Quy chế thu hồi và đổi tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông hiện hành; vào sổ theo dõi và đổi tiền cho khách từ số tiền đã tạm ứng để đổi loại trong ngày.  Đối với trường hợp phải thu phí đổi tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông theo quy định, khi thu lệ phí Kế toán lập Phiếu thu và hạch toán:  Nợ TK 1021- Tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông  Có TK 733- Thu về dịch vụ ngân quỹ | **Điều 21. Hạch toán thu đổi tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông và đổi loại tiền trong Quỹ NVPH**  1. Hạch toán thu đổi tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông:  a) Đối với tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông đủ điều kiện được đổi:  Thủ quỹ thực hiện thu, đổi theo quy định tại Quy chế thu hồi và đổi tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông hiện hành; vào sổ theo dõi và đổi tiền cho khách hàng từ số tiền đã tạm ứng để đổi loại trong ngày, hạch toán:  - Khi thu tiền không đủ TCLT từ khách hàng, nhập giao dịch thu tiền không đủ TCLT:  Nợ TK 10100201- Tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông  Có TK 41400100 - Tiền KĐTCLT đã xử lý và chờ TTKH  - Khi chi tiền đủ TCLT cho khách hàng, nhập giao dịch chi tiền đủ TCLT:  Nợ TK 41400100 - Tiền KĐTCLT đã xử lý và chờ TTKH  Có TK 10100201- Tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông | Bỏ hướng dẫn hạch toán thu lệ phí đổi tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông do Thông tư 25/2013/TT-NHNN ngày 02/12/2013 không quy định thu phí đổi tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông và phù hợp với Sổ tay hướng dẫn sử dụng phần mềm kế toán SG3.1 |
| **Điều 21. Xử lý các trường hợp thừa tiền, thiếu tiền phát hiện qua kiểm đếm tại đơn vị NHNN nhận tiền (đơn vị NHNN A)**  3. Xử lý hạch toán kết quả sau kiểm đếm tại đơn vị NHNN A:  a) Đối với kết quả kiểm đếm của tiền nhận điều chuyển:  i) Xử lý chênh lệch thiếu: Căn cứ Biên bản kiểm đếm và niêm phong, Kế toán báo Nợ số tiền chênh lệch thiếu đồng thời báo Có số tiền chênh lệch thừa (nếu có) đến các đơn vị có liên quan và hạch toán:  Báo Nợ số tiền chênh lệch thiếu:  Nợ TK 5111- Chuyển tiền đi năm nay  Hoặc Nợ TK 5211- Liên hàng đi năm nay  Hoặc Nợ TK 591 - Thanh toán giữa các đơn vị NHNN  Có TK 3639- Các khoản khác phải thu  (chi tiết: Tạm ứng cho kiểm đếm tiền)  Đồng thời báo Có số tiền chênh lệch thừa (nếu có):  Nợ TK 3639- Các khoản khác phải thu  (chi tiết: Tạm ứng cho kiểm đếm tiền)  Có TK 5111- Chuyển tiền đi năm nay  Hoặc Có TK 5211- Liên hàng đi năm nay  Hoặc Có TK 591- Thanh toán giữa các đơn vị NHNN  ii) Xử lý chênh lệch thừa: Căn cứ Biên bản kiểm đếm và niêm phong, Kế toán báo Có số tiền chênh lệch thừa đồng thời báo Nợ số tiền chênh lệch thiếu (nếu có) về các đơn vị liên quan và hạch toán:  Báo Có số tiền chênh lệch thừa:  Nợ TK 4635- Thừa quỹ, tài sản chờ xử lý  (chi tiết: Thừa quỹ của chi nhánh/ Sở giao dịch/ Cục/ Chi cục phát hành và Kho quỹ)  Có TK 5111- Chuyển tiền đi năm nay  Hoặc Có TK 5211- Liên hàng đi năm nay  HoặcCó TK 591- Thanh toán giữa các đơn vị NHNN  Đồng thời báo Nợ số tiền chênh lệch thiếu (nếu có):  Nợ TK 5111- Chuyển tiền đi năm nay  Hoặc Nợ TK 5211- Liên hàng đi năm nay  HoặcNợ TK 591- Thanh toán giữa các đơn vị NHNN  Có TK 4635- Thừa quỹ, tài sản chờ xử lý  (chi tiết: Thừa quỹ của chi nhánh/ Sở giao dịch/ Cục/ Chi cục Phát hành và Kho quỹ)  b) Đối với kết quả kiểm đếm của tiền giao nhận trên địa bàn: Căn cứ Biên bản và niêm phong, Kế toán lập Phiếu chuyển khoản báo Nợ số tiền chênh lệch thiếu/ báo Có số tiền chênh lệch thừa (nếu có) về TCTD, KBNN trên địa bàn có liên quan:  i) Xử lý chênh lệch thiếu tiền:  Nợ TK Thích hợp  (Tiền gửi của KBNN, TCTD…)  Có TK 3639- Các khoản khác phải thu  chi tiết: Tạm ứng cho kiểm đếm tiền)  Hoặc Có TK Thích hợp (Tiền gửi của KBNN, TCTD…)  ii) Xử lý chênh lệch thừa tiền:  Nợ TK Thích hợp (Tiền gửi của KBNN, TCTD…)  Nợ TK 4635- Thừa quỹ, tài sản chờ xử lý  (chi tiết: Thừa quỹ của chi nhánh/Sở giao dịch)  Có TK Thích hợp (Tiền gửi của KBNN, TCTD…)  c) Trường hợp, niêm phong thừa tiền/thiếu tiền thuộc đơn vị NHNN A (người có tên trên niêm phong là cán bộ NHNN A):  Căn cứ Biên bản kiểm đếm và niêm phong do TCTD, KBNN thực hiện kiểm đếm gửi đến, Kế toán lập chứng từ để truy thu số tiền thiếu đối với cá nhân có tên trên niêm phong thiếu tiền hoặc ghi thu của NHNN số tiền thừa theo niêm phong thừa tiền và hạch toán:  i) Xử lý niêm phong thiếu tiền:  Nợ TK 3635- Tham ô, thiếu mất tiền, tài sản chờ xử lý (chi tiết: Cá nhân phải bồi thường tiền thiếu)  Có TK 3639 - Các khoản khác phải thu  (chi tiết: Tạm ứng cho kiểm đếm tiền)  ii) Xử lý niêm phong thừa tiền:  Nợ TK 4635- Thừa quỹ, tài sản chờ xử lý  (chi tiết: Thừa quỹ của chi nhánh/ Sở giao dịch)  Có TK 799- Thu khác  iii) Khi thu được số tiền thiếu của cá nhân, cán bộ NHNN:  Nợ TK thích hợp  Có TK 3635- Tham ô, thiếu mất tiền, tài sản chờ xử lý (chi tiết: Cá nhân phải bồi thường tiền thiếu)  **Điều 22. Xử lý các trường hợp thiếu tiền, thừa tiền phát hiện qua kiểm đếm tại đơn vị NHNN giao tiền (đơn vị NHNN B)**  c) Xử lý hạch toán đối với chênh lệch thừa tiền, chênh lệch thiếu tiền của từng cá nhân, đơn vị:  i) Căn cứ để xử lý thừa tiền, thiếu tiền đối với từng đơn vị, cá nhân có liên quan:  - Nếu người có tên trên niêm phong thừa tiền, thiếu tiền thuộc đơn vị NHNN B: Căn cứ Biên bản kiểm đếm và niêm phong do đơn vị nhận tiền gửi đến, Kế toán lập chứng từ để ghi thu của NHNN số tiền thừa theo niêm phong thừa tiền hoặc truy thu số tiền thiếu đối với cá nhân có tên trên niêm phong thiếu tiền.  - Nếu người có tên trên niêm phong thừa tiền, thiếu tiền không thuộc đơn vị NHNN B: Căn cứ Biên bản kiểm đếm và niêm phong để chuyển trả số tiền chênh lệch thừa đối với đơn vị có chênh lệch thừa theo Biên bản kiểm đếm; truy thu số tiền chênh lệch thiếu đối với đơn vị có chênh lệch thiếu theo Biên bản kiểm đếm.  ii) Trường hợp chênh lệch thừa tiền (nhận được báo Có):  Nợ TK 1021-Tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông:  Số tiền thiếu theo niêm phong được bồi thường bằng tiền mặt (nếu có)  Hoặc/và Nợ TK 3635- Tham ô, thiếu mất tiền, tài sản chờ xử lý (chi tiết: Cá nhân phải bồi thường tiền thiếu)  Hoặc/ và Nợ TK Thích hợp (Tiền gửi của KBNN, TCTD…)  Nợ TK 4635- Thừa quỹ, tài sản chờ xử lý  (chi tiết: Thừa quỹ của chi nhánh/ Sở giao dịch)  Hoặc/ và Có TK Thích hợp (Tiền gửi của KBNN, TCTD…)  Và Có TK 799- Các khoản thu khác  iii) Trường hợp chênh lệch thiếu tiền (nhận được báo Nợ):  Nợ TK 1021-Tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông  Hoặc/ và Nợ TK 3635- Tham ô, thiếu mất tiền, tài sản chờ xử lý  (chi tiết: Cá nhân phải bồi thường tiền thiếu)  Hoặc/ và Nợ TK Thích hợp (Tiền gửi của KBNN, TCTD…)  Có TK 3635- Tham ô, thiếu mất tiền, tài sản chờ xử lý (chi tiết: Thiếu mất tiền của chi nhánh/ Sở giao dịch )  Hoặc/ và Có TK Thích hợp (Tiền gửi của KBNN, TCTD…)  Hoặc/ và Có TK 799- Các khoản thu khác  vi) Trường hợp không phát sinh chênh lệch thừa tiền, thiếu tiền (không nhận được báo Có/ báo Nợ, nhận được niêm phong, biên bản kiểm đếm về thừa và thiếu tiền) :  Nợ TK 1021-Tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông  Hoặc/ và Nợ TK 3635- Tham ô, thiếu mất tiền, tài sản chờ xử lý (chi tiết: Cá nhân phải bồi thường tiền thiếu)  Hoặc/ và Nợ TK Thích hợp (Tiền gửi của KBNN, TCTD…)  Hoặc/ và Có TK Thích hợp (Tiền gửi của KBNN, TCTD…)  Hoặc/ và Có TK 799- Các khoản thu khác  d) Khi nhận được báo Có do đơn vị nhận điều chuyển tiền trả lại tiền cho người có tên trên niêm phong thiếu tiền vì lẫn tiền nghi giả, tiền nghi bị phá hoại đã bị tạm thu trước đây, nhưng kết quả giám định không phải là tiền giả, tiền bị phá hoại, Kế toán hạch toán:  i)Trường hợp người có tên trên niêm phong thuộc đơn vị NHNN B:  Nợ TK 5112- Chuyển tiền đến năm nay  Hoặc Nợ TK 5212- Liên hàng đến năm nay  Hoặc Nợ TK 591- Thanh toán giữa các đơn vị NHNN  Có TK 4635- Thừa quỹ, tài sản chờ xử lý  (chi tiết: Thừa quỹ của chi nhánh/ Sở giao dịch)  + Nếu người có tên trên niêm phong (lẫn loại tiền nghi giả, tiền nghi bị phá hoại) dẫn đến thiếu tiền đã bồi thường, nay kết quả giám định không phải là tiền giả, tiền bị phá hoại thì được trả lại. Khi chi trả, Kế toán hạch toán:  Nợ TK 4635- Thừa quỹ, tài sản chờ xử lý  (chi tiết: Thừa quỹ của chi nhánh/ Sở giao dịch)  Có TK 1021- Tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông  + Nếu chưa bồi thường, Kế toán hạch toán:  Nợ TK 4635- Thừa quỹ, tài sản chờ xử lý  (chi tiết: Thừa quỹ của chi nhánh/ Sở giao dịch)  Có TK 3635- Tham ô, thiếu mất tiền, tài sản chờ xử lý  (chi tiết: Cá nhân ghi thiếu tiền trước đây- nếu chưa bồi thường)  + Nếu trước đây lẫn loại tiền nghi giả, tiền nghi bị phá hoại bị tạm thu giữ, nhưng không bị thiếu tiền:  Nợ TK 4635- Thừa quỹ, tài sản chờ xử lý  (chi tiết: Thừa quỹ của chi nhánh/ Sở giao dịch)  Có TK 799- Thu khác  ii)Trường hợp người có tên trên niêm phong không thuộc đơn vị NHNN B:  Nợ TK 5112- Chuyển tiền đến năm nay  Hoặc Nợ TK 5212- Liên hàng đến năm nay  Hoặc Nợ TK 591- Thanh toán giữa các đơn vị NHNN  Có TK Thích hợp (Tiền gửi của KBNN, TCTD…) | **Điều 25. Xử lý các trường hợp thừa tiền, thiếu tiền phát hiện qua kiểm đếm tại SGD, NHNN chi nhánh nhận tiền (đơn vị NHNN A)**  3. Xử lý hạch toán kết quả sau kiểm đếm tại đơn vị NHNN A:  a) Đối với kết quả kiểm đếm của tiền nhận điều chuyển:  i) Xử lý chênh lệch thiếu: Căn cứ Biên bản của Hội đồng kiểm đếm và niêm phong, Kế toán báo Nợ số tiền chênh lệch thiếu đến các SGD, NHNN chi nhánh giao tiền hoặc/ và SGD, NHNN chi nhánh nơi TCTD, KBNN mở tài khoản, hạch toán:  Nợ TK 602004- Thanh toán liên chi nhánh  Nợ TK 415001- Thừa quỹ, tài sản thừa chờ xử lý  Có TK 315999- Các khoản phải thu nội bộ khác  (chi tiết: Tạm ứng cho kiểm đếm tiền)  ii) Xử lý chênh lệch thừa: Căn cứ Biên bản của Hội đồng kiểm đếm và niêm phong, Kế toán báo Có số tiền chênh lệch thừa đến các SGD, NHNN chi nhánh giao tiền hoặc/ và SGD, NHNN chi nhánh nơi TCTD, KBNN mở tài khoản, hạch toán:  Nợ TK 415001- Thừa quỹ, tài sản thừa chờ xử lý  Có TK 315999- Các khoản phải thu nội bộ khác  (chi tiết: Tạm ứng cho kiểm đếm tiền)  Có TK 602004- Thanh toán liên chi nhánh  (iii) Trường hợp không phát sinh chênh lệch thừa thiếu tiền: NHNN A gửi biên bản của Hội đồng kiểm đếm và niêm phong cho SGD, NHNN chi nhánh giao tiền hoặc/ và SGD, NHNN chi nhánh nơi TCTD, KBNN mở tài khoản, hạch toán:  Nợ TK 415001- Thừa quỹ, tài sản thừa chờ xử lý  Có TK 315999- Các khoản phải thu nội bộ khác  b) Đối với kết quả kiểm đếm của tiền giao nhận trên địa bàn: Căn cứ Biên bản và niêm phong, Kế toán lập Phiếu chuyển khoản báo Nợ số tiền chênh lệch thiếu/ báo Có số tiền chênh lệch thừa (nếu có) về TCTD, KBNN trên địa bàn có liên quan, SGD, NHNN chi nhánh:  i) Xử lý chênh lệch thiếu tiền:  Nợ TK Thích hợp (Tiền gửi của KBNN, TCTD, Thanh toán liên ngân hàng, …)  Hoặc Nợ TK 314999- Các khoản phải thu khách hàng khác  (chi tiết: Tạm ứng cho kiểm đếm tiền)  Có TK 315999- Các khoản phải thu nội bộ khác  (chi tiết: Tạm ứng cho kiểm đếm tiền)  Hoặc Có TK Thích hợp (Tiền gửi của KBNN, TCTD, Thanh toán liên ngân hàng, …)  - Khi khách hàng thanh toán, kế toán hạch toán:  Nợ TK Thích hợp (Tiền gửi của KBNN, TCTD…)  Có TK 314999- Các khoản phải thu khách hàng khác  ii) Xử lý chênh lệch thừa tiền:  Nợ TK Thích hợp (Tiền gửi của KBNN, TCTD, Thanh toán liên chi nhánh,…)  Hoặc Nợ TK 415001- Thừa quỹ, tài sản chờ xử lý  (chi tiết: Thừa quỹ của NHNN chi nhánh/Sở Giao dịch)  Hoặc Nợ TK 414999- Các khoản phải trả bên ngoài khác  Có TK Thích hợp (Tiền gửi của KBNN, TCTD, Thanh toán liên chi nhánh…)  - Khi thanh toán cho khách hàng, kế toán hạch toán:  Nợ TK 414999- Các khoản phải trả bên ngoài khác  Có TK Thích hợp (Tiền gửi của KBNN, TCTD,…)  **Điều 26. Xử lý các trường hợp thiếu tiền, thừa tiền phát hiện qua kiểm đếm tại SGD, NHNN chi nhánh bên giao tiền; và SGD, NHNN chi nhánh nơi mở tài khoản thanh toán cho các TCTD, KBNN (đơn vị NHNN B)**  c) Xử lý hạch toán đối với chênh lệch thừa tiền, chênh lệch thiếu tiền của từng cá nhân, đơn vị:  i) Căn cứ để xử lý thừa tiền, thiếu tiền đối với từng đơn vị, cá nhân có liên quan:  - Nếu người có tên trên niêm phong thừa tiền, thiếu tiền thuộc đơn vị NHNN: Căn cứ Biên bản của Hội đồng kiểm đếm và niêm phong do đơn vị NHNN A gửi đến, Kế toán lập chứng từ để ghi thu của NHNN số tiền thừa theo niêm phong thừa tiền hoặc truy thu số tiền thiếu đối với cá nhân có tên trên niêm phong thiếu tiền.  - Nếu người có tên trên niêm phong thừa tiền, thiếu tiền không thuộc đơn vị NHNN: Căn cứ Biên bản của Hội đồng kiểm đếm và niêm phong để chuyển trả số tiền chênh lệch thừa cho đơn vị có chênh lệch thừa theo Biên bản của Hội đồng kiểm đếm và niêm phong; truy thu số tiền chênh lệch thiếu đối với đơn vị có chênh lệch thiếu theo Biên bản của Hội đồng kiểm đếm và niêm phong.  ii) Trường hợp chênh lệch thừa tiền (nhận được báo Có):  Nợ TK 10100201-Tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông Hoặc/và Nợ TK 315004- Tham ô, thiếu mất tiền, tài sản chờ xử lý  (chi tiết: Cá nhân phải bồi thường tiền thiếu)  Hoặc/ và Nợ TK Thích hợp (Tiền gửi của KBNN, TCTD…)  Nợ TK 415001- Thừa quỹ, tài sản thừa chờ xử lý  (chi tiết: Thừa quỹ của NHNN chi nhánh/ Sở Giao dịch)  Hoặc/ và Có TK Thích hợp (Tiền gửi của KBNN, TCTD…)  Và Có TK 799999- Các khoản thu khác  iii) Trường hợp chênh lệch thiếu tiền (nhận được báo Nợ):  Nợ TK 10100201-Tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông Số tiền thiếu được bồi thường bằng tiền mặt  Hoặc/ và Nợ TK 315004- Tham ô, thiếu mất tiền, tài sản chờ xử lý  (chi tiết: Cá nhân phải bồi thường tiền thiếu)  Hoặc/ và Nợ TK Thích hợp (Tiền gửi của KBNN, TCTD…)  Có TK 315004- Tham ô, thiếu mất tiền, tài sản chờ xử lý  (chi tiết: Thiếu mất tiền của NHNN chi nhánh/ Sở Giao dịch )  Hoặc/ và Có TK Thích hợp (Tiền gửi của KBNN, TCTD…)  Hoặc/ và Có TK 799999- Các khoản thu khác iv) Trường hợp không phát sinh chênh lệch thừa tiền, thiếu tiền (không nhận được báo Có/ báo Nợ, nhận được niêm phong, Biên bản của Hội đồng kiểm đếm về thừa và thiếu tiền) :  Nợ TK 10100201-Tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông  Hoặc/ và Nợ TK 315004- Tham ô, thiếu mất tiền, tài sản chờ xử lý  (chi tiết: Cá nhân phải bồi thường tiền thiếu)  Hoặc/ và Nợ TK Thích hợp (Tiền gửi của KBNN, TCTD…)  Hoặc/ và Có TK Thích hợp (Tiền gửi của KBNN, TCTD…)  Hoặc/ và Có TK 799999- Các khoản thu khác | Sửa đổi cho phù hợp với quy định về giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá tại Công văn số 929/NHNN-PHKQ ngày 19/02/2014. |
| Bảng biểu đính kèm tại Quyết định 37/2007/QĐ-NHNN | Bảng biểu đính kèm tại dự thảo Thông tư | Thay đổi mẫu biểu đáp ứng yêu cầu báo cáo ( Công văn số 1753/NHNN-TCKT ngày 18/3/2013 về cung cấp báo cáo kiểm kê tiền mới in, đúc nguyên niêm phong, chưa qua lưu thông tồn kho và Công văn số 1131/TCKT4 ngày 06/09/2014 về xây dựng phần mềm báo cáo số lượng tiền mới in, đúc phát hành ra lưu thông và tồn kho) |